

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (0, giảm (-)
18	Trường Tiểu học và THCS Bắc Phong	34	35	1
19	Trường Tiểu học và THCS Nam Phong	33	32	-1
20	Trường Tiểu học và THCS Tường Tiên	26	26	0
21	Trường Tiểu học và THCS Tường Phong	32	31	-1
22	Trường Tiểu học và THCS Tường Thượng II	30	30	0
23	Trường Tiểu học và THCS Huy Tường	35	35	0
24	Trường Tiểu học và THCS Mường Thái	58	58	0
(6)	HUYỆN BẮC YÊN	1362	1344	-18
a	Khởi Mầm non	406	396	-10
1	Trường MN Anh Dương, Hua Nhân	27	26	-1
2	Trường MN Anh Sao, Tạ Khoa	19	19	0
3	Trường MN Ban Mai, Phiêng Ban	26	25	-1
4	Trường MN Hoa Đào, Háng Đông	19	27	8
5	Trường MN Hoa Phượng, Chiềng Sại	22	47	25
6	Trường MN Hoa My	28	19	-9
7	Trường MN Hồng Ngải	23	22	-1
8	Trường MN Hương Dương, Pắc Ngà	31	27	-4
9	Trường MN Song Pe	22	23	1
10	Trường MN Sơn Ca, Phiêng Côn	15	30	15
11	Trường MN xã Làng Châu	24	21	-3
12	Trường MN xã Tạ Xùa	22	14	-8
13	Trường MN xã Xím Vàng	21	23	2
14	Trường MN Vàng Anh	32	21	-11
15	Trường MN Bình Minh, Hạng Chú	27	21	-6
16	Trường MN Hoa Ban, thị trấn	48	31	-17
b	Khởi Tiểu học	425	423	-2
1	Trường TH Chiềng Sại	38	38	0
2	Trường TH Chim Vàn	44	43	-1
3	Trường TH Làng Châu	34	34	0
4	Trường TH Mường Khoa	39	39	0
5	Trường TH Pắc Ngà	47	46	-1
6	Trường TH Tạ Khoa	31	58	27
7	Trường TH Song Pe	44	31	-13
8	Trường TH Phiêng Ban	58	44	-14
9	Trường PTDTBT-TH Hạng Chú	38	38	0
10	Trường PTDTBT-TH Hua Nhân	52	52	0
c	Khởi trung học cơ sở	220	217	-3
1	Trường THCS Chim Vàn	23	19	-4
2	Trường THCS Làng Châu	19	21	2
3	Trường THCS Mường Khoa	21	28	7
4	Trường THCS Pắc Ngà	29	21	-8
5	Trường THCS Phiêng Ban	21	20	-1
6	Trường THCS Song Pe	21	21	0
7	Trường THCS Tạ Khoa	21	21	0
9	Trường PTDTBT-THCS Chiềng Sại	21	23	2
10	Trường PTDTBT-THCS Hạng Chú	23	21	-2
11	Trường PTDTBT-THCS Hua Nhân	21	22	1
d	Khởi liên cấp TH - THCS	311	308	-3
1	Trường Tiểu học - THCS xã Tạ Xùa	51	50	-1
2	Trường PTDT BT Tiểu học - THCS xã Hồng Ngải	62	61	-1
3	Trường PTDT Bán Trú Tiểu học -THCS Xím Vàng	43	43	0
4	Trường Tiểu học -THCS Phiêng Côn	34	34	0
5	Trường Tiểu học - THCS xã Háng Đông	51	51	0

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
6	Trường Tiểu học - THCS Thị trấn	70	69	-1
7	HUYỆN THUẬN CHAU	2521	2476	-45
a	Khối Mầm non	720	694	-26
1	Trường Mầm non Thảo Nguyên E Tông	15	16	1
2	Trường Mầm non 1/6 Năm Lâu	33	32	-1
3	Trường Mầm non 19/5 Phong Lập	23	24	1
4	Trường Mầm non 2/9 Bó Mười	34	31	-3
5	Trường Mầm non Ánh Dương Nong Lay	15	16	1
6	Trường Mầm non Ánh Hồng Liệp Tề	16	16	0
7	Trường Mầm non Ánh Sao Púng Tra	17	18	1
8	Trường Mầm non Ban Mai Thôn Mòn	26	25	-1
9	Trường Mầm non Bình Minh Co Ma	24	24	0
10	Trường Mầm non Co Tông	13	14	1
11	Trường Mầm non Hoa Ban Tông Lanh	49	40	-9
12	Trường Mầm non Hoa Đào Phong Lăng	26	26	0
13	Trường Mầm non Hoa Hồng Chiềng Ly	30	27	-3
14	Trường Mầm non Hoa Mai Mường E	22	22	0
15	Trường Mầm non Hoa Sen Bon Phăng	34	28	-6
16	Trường Mầm non Hoa Sữa Muối Nội	20	20	0
17	Trường Mầm non Hoa Mì Chiềng Pắc	27	26	-1
18	Trường Mầm non Long He	15	17	2
19	Trường Mầm non Măng Non Bản Lầm	19	20	1
20	Trường Mầm non Ngọc Lan Chiềng Ngâm	22	23	1
21	Trường Mầm non Kim Đồng Chiềng Bôm	28	26	-2
22	Trường Mầm non Thủy Tiên Phong Lái	43	32	-11
23	Trường Mầm non Pá Lông	13	15	2
24	Trường Mầm non Phong Lan Mường Khiêng	33	32	-1
25	Trường Mầm non Tuổi Thơ Mường Bám	25	26	1
26	Trường Mầm non Vành Khuyên Chiềng La	14	16	2
27	Trường Mầm non Võ Thị Sáu Chiềng Pha	31	30	-1
28	Trường Mầm non Sao Mai Tông Co	27	26	-1
29	Trường Mầm non Sơn Ca Thị trấn	26	26	0
b	Khối Tiểu học	630	623	-7
1	Trường Tiểu học Phong Lái	52	49	-3
2	Trường Tiểu học Co Ma 1	34	33	-1
3	Trường Tiểu học Co Ma 2	21	20	-1
4	Trường Tiểu học Chiềng Ly	42	42	0
5	Trường Tiểu học Chiềng Bôm	36	37	1
6	Trường Tiểu học Chiềng Ngâm	33	33	0
7	Trường Tiểu học Chiềng Pha	38	38	0
8	Trường Tiểu học Liệp Tề	36	35	-1
9	Trường Tiểu học Mường Bám 1	23	25	2
10	Trường Tiểu học Mường Bám 2	28	27	-1
11	Trường Tiểu học Mường E	37	38	1
12	Trường Tiểu học Mường Khiêng 1	33	32	-1
13	Trường Tiểu học Mường Khiêng 2	30	30	0
14	Trường Tiểu học Năm Lâu	43	44	1
15	Trường Tiểu học Phong Lập	28	29	1
16	Trường Tiểu học Tông Co	38	37	-1
17	Trường Tiểu học Tông Lanh	52	48	-4
18	Trường Tiểu học Thị Trấn	26	26	0
c	Khối Liên cấp TH & THCS	687	675	-12
1	Trường TH - THCS Bản Lầm	46	46	0
2	Trường TH-THCS Bon Phăng	40	39	-1

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
3	Trường TH-THCS Bó Mười A	56	56	0
4	Trường TH-THCS Bó Mười B	38	38	0
5	Trường TH-THCS Co Tông	37	38	1
6	Trường TH-THCS Chiềng La	34	34	0
7	Trường TH-THCS Chiềng Pắc	54	52	-2
8	Trường TH-THCS E Tông	33	34	1
9	Trường TH-THCS Muối Nổi	41	41	0
10	Trường TH-THCS Ninh Thuận	40	40	0
11	Trường TH-THCS Nong Lay	39	39	0
12	Trường TH-THCS Púng Tra	37	36	-1
13	Trường TH-THCS Phổng Lãng	55	54	-1
14	Trường TH-THCS Thôm Mòn	55	51	-4
15	Trường TH-THCS Long He	48	45	-3
16	Trường TH-THCS Pá Lông	34	32	-2
d	Khởi trung học cơ sở	484	484	0
1	Trường THCS Bình Thuận	35	37	2
2	Trường THCS Chiềng Bôm	31	31	0
3	Trường THCS Chiềng Ly	31	30	-1
4	Trường THCS Chiềng Ngâm	25	26	1
5	Trường THCS Chiềng Pha	33	30	-3
6	Trường THCS Chu Văn An	24	24	0
7	Trường THCS Liệp Tè	21	21	0
8	Trường THCS Mường Bám	39	39	0
9	Trường THCS Mường E	36	35	-1
10	Trường THCS Mường Khiêng	45	45	0
11	Trường THCS Năm Lâu	32	32	0
12	Trường THCS Phổng Lập	28	28	0
13	Trường THCS Tông Co	30	30	0
14	Trường THCS Tông Lanh	41	41	0
15	Trường PTDTBT THCS Co Ma	33	35	2
(8)	HUYỆN QUỲNH NHAİ	1269	1243	-26
a	Bậc học Mầm non	408	400	-8
1	MN Ban Mai	27	27	0
2	MN Cà Nàng	21	21	0
3	MN Chiềng Khoang	39	39	0
4	MN Chiềng Ôn	20	20	0
5	MN Hoa Ban	34	35	1
6	MN Hoa Đào	42	39	-3
7	MN Hoa Hồng	23	23	0
8	MN Hoa My	21	21	0
9	MN Mường Chiền	11	11	0
10	MN Mường Giôn	43	40	-3
11	MN Mường Sại	21	21	0
12	MN Nậm Et	34	32	-2
13	MN Sơn Ca	35	35	0
14	MN Mường Giàng	37	36	-1
b	Cấp Tiểu học	230	228	-2
1	TH Chiềng Báng	29	29	0
2	TH Chiềng Khay	56	55	-1
3	TH Kim Đông	42	43	1
4	TH Mường Giàng	42	41	-1
5	TH Mường Giôn	40	38	-2
6	TH Phiêng Mút	21	22	1

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (0, giảm (-)
c	Cấp THCS	166	163	-3
1	THCS Chiềng Báng	22	23	1
2	THCS Mường Giôn	42	39	-3
3	THCS Mường Giàng	30	30	0
4	THCS Nguyễn Tất Thành	32	32	0
5	THCS Chiềng Khay	40	39	-1
d	Cấp TH&THCS	465	452	-13
1	TH&THCS Bình Minh	43	43	0
2	TH&THCS Cà Nàng	53	51	-2
3	TH&THCS Chiềng Khoang	77	75	-2
4	TH&THCS Chiềng Ôn	48	48	0
5	TH&THCS Là Giôn	56	51	-5
6	TH&THCS Mường Chiên	28	27	-1
7	TH&THCS Mường Sại	50	50	0
8	TH&THCS Pá Ma Pha Khinh	40	38	-2
9	TH&THCS Nậm Et	70	69	-1
(9)	HUYỆN SÔNG MÃ	2226	2194	-32
a	Khôi Mầm non	648	640	-8
1	Trường MN Anh Đào Chiềng Sơ	29	28	-1
2	Trường MN Ban Mai Huổi Một	38	37	-1
3	Trường MN Biên Cương Mường Sại	29	28	-1
4	Trường MN Bình Minh Mường Hung	37	36	-1
5	Trường MN Hoa Ban Yên Hưng	32	32	0
6	Trường MN Hoa Cúc Đưa Mòn	35	35	0
7	Trường MN Hoa Đào Mường Cai	31	31	0
8	Trường MN Hoa Hồng Chiềng Khương	46	45	-1
9	Trường MN Hoa Lan Nậm Ty	40	40	0
10	Trường MN Hoa Mai Nậm Măn	20	20	0
11	Trường MN Hoa My Chiềng En	26	25	-1
12	Trường MN Hoa Phượng Đỏ Bó Sinh	21	21	0
13	Trường MN Hương Sen Chiềng Cang	39	39	0
14	Trường MN Hoa Sữa Pú Bấu	19	19	0
15	Trường MN Sơn Ca Chiềng Phung	27	27	0
16	Trường MN Thị trấn	52	52	0
17	Trường MN Tuổi Hoa Mường Lâm	23	23	0
18	Trường MN 8/3 Chiềng Khoang	56	55	-1
19	Trường MN Ánh Dương xã Nà Ngịu	48	47	-1
b	Khôi Tiểu học	742	739	-3
1	Trường TH Bàn Mế xã Nà Ngịu	40	40	0
2	Trường TH Chiềng Khoang	39	39	0
3	Trường TH Hải Sơn xã Chiềng Khoang	47	46	-1
4	Trường TH Hương Ngịu xã Nà Ngịu	27	27	0
5	Trường TH Nà Ngịu	35	35	0
6	Trường TH Thị trấn	44	44	0
7	Trường Tiểu học Chiềng Khương	69	69	0
8	Trường Tiểu học Chiềng Cang	76	75	-1
9	Trường Tiểu học Mường Hung	58	58	0
10	Trường Tiểu học Mường Cai	47	47	0
11	Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Một	49	49	0
12	Trường Tiểu học Chiềng Sơ	54	54	0
13	Trường Tiểu học Yên Hưng	38	38	0
14	Trường Tiểu học Đưa Mòn	56	55	-1
15	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Ty	63	63	0

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
	Khởi Trung học cơ sở	466	457	-9
1	Trường THCS Chiềng Cang	46	44	-2
3	Trường THCS Chiềng Khoong	51	50	-1
4	Trường THCS Chiềng Khương	43	42	-1
6	Trường THCS Chiềng Sơ	34	34	0
7	Trường THCS Mường Hung	33	33	0
9	Trường THCS Nà Nghịu	47	46	-1
11	Trường THCS Thị trấn	41	41	0
12	Trường THCS Yên Hưng	29	27	-2
14	Trường PTDTBT THCS Đứa Mòn	33	32	-1
15	Trường PTDTBT THCS Huổi Một	34	34	0
16	Trường PTDTBT THCS Mường Cai	32	31	-1
19	Trường PTDTBT THCS Nậm Ty	43	43	0
d	Liên cấp TH và THCS	370	358	-12
1	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Mường Sai	54	52	-2
2	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Nậm Mẩn	47	46	-1
3	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Bó Sinh	61	53	-8
4	Trường Tiểu học và THCS Chiềng Phung	54	53	-1
5	Trường Tiểu học và THCS Mường Lâm	56	53	-3
6	Trường Tiểu học và THCS Chiềng En	58	57	-1
7	Trường Tiểu học và THCS Pú Bâu	40	39	-1
(10)	HUYỆN SÓP CỘP	957	940	-17
a	Khởi Mầm non	330	320	-10
1	Trường MN Ban Mai Nậm Lành	24	23	-1
2	Trường MN Biên Cương Mường Lèo	23	23	0
3	Trường MN Hoa Đào	40	38	-2
4	Trường MN Hoa Mĩ, xã Dôm Cang	26	26	0
5	Trường MN Sơn Ca	27	25	-2
6	Trường MN Hoa Phượng Đỏ xã Sốp Cộp	59	58	-1
7	Trường MN Hoa Ban xã Mường Và	67	65	-2
8	Trường MN Hoa Phong La xã Mường Lạn	64	62	-2
b	Khởi Tiểu học	119	119	0
1	Trường PTDTBT-TH Nà Khi, Mường Lạn	69	69	0
2	Trường Tiểu học Púng Bính	50	50	0
c	Khởi trung học cơ sở	75	74	-1
1	Trường THCS Púng Bính	33	33	0
2	Trường PTDTBT-THCS Mường Lạn	42	41	-1
d	Khởi liên cấp TH & THCS	433	427	-6
1	Trường PTDTBT TH VÀ THCS Mường Lèo	61	60	-1
2	Trường PTDTBT TH VÀ THCS Sam Kha	55	53	-2
3	Trường TH VÀ THCS Dôm Cang	54	54	0
4	Trường PTDTBT TH VÀ THCS Nậm Lành	59	58	-1
5	Trường TH VÀ THCS Sốp Cộp	71	71	0
6	Trường TH VÀ THCS Mường Và	68	68	0
7	Trường PTDTBT TH VÀ THCS Nà Khoang	65	63	-2
(11)	THÀNH PHỐ SƠN LA	1516	1473	-43
a	Khởi Mầm non	504	494	-10
1	Trường MN Bê Văn Đàn	27	27	0
2	Trường MN Chiềng Cơi	27	24	-3
3	Trường MN Chiềng Cọ	30	30	0
4	Trường MN Chiềng Đen	30	34	4
5	Trường MN Chiềng Lê	35	34	-1
6	Trường MN Chiềng Sinh	35	35	0
7	Trường MN Chiềng Xóm	30	30	0

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (), giảm (-)
8	Trường MN Hoa Hồng	23	20	-3
9	Trường MN Hoa Phượng	34	35	1
10	Trường MN Hua La	46	48	2
11	Trường MN Sao Mai	26	26	0
12	Trường MN Tô Hiệu	44	40	-4
13	Trường MN Lò Văn Giá	57	51	-6
14	Trường MN Quyết Thắng	60	60	0
b	Khôi Tiểu học	339	338	-1
1	Trường TH Chiềng Đen	49	49	0
2	Trường TH Chiềng Lê	55	54	-1
3	Trường TH Chiềng Sinh	41	40	-1
4	Trường TH Hua La	51	54	3
5	Trường TH Kim Đồng	26	31	5
6	Trường TH Lò Văn Giá	42	38	-4
7	Trường TH Quyết Thắng	38	36	-2
8	Trường TH Trần Quốc Toàn	37	36	-1
c	Khôi trung học cơ sở	304	292	-12
1	Trường THCS Chiềng An	39	33	-6
2	Trường THCS Chiềng Đen	24	26	2
3	Trường THCS Chiềng Sinh	55	52	-3
4	Trường THCS Hua La	39	37	-2
5	Trường THCS Lê Quý Đôn	46	46	0
6	Trường THCS Nguyễn Trãi	54	50	-4
7	Trường THCS Quyết Thắng	47	48	1
d	Liên cấp TH và & THCS	369	349	-20
1	Trường TH&THCS Chiềng Cọ	57	55	-2
2	Trường TH&THCS Chiềng Cơi	35	31	-4
3	Trường TH&THCS Chiềng Xôm	57	53	-4
4	Trường TH&THCS Chiềng Ngân A	51	49	-2
5	Trường TH&THCS Chiềng Ngân B	52	48	-4
6	Trường TH&THCS Quyết Tâm	57	55	-2
7	Trường TH&THCS Tô Hiệu	60	58	-2
(12)	HUYỆN VĂN HỒ	1215	1203	-12
a	Khôi Mầm non	388	381	-7
1	Trường MN Chiềng Khoa	31	31	0
2	Trường MN Chiềng Xuân	21	21	0
3	Trường MN Chiềng Yên	23	22	-1
4	Trường MN Liên Hoà	21	21	0
5	Trường MN Mường Men	16	16	0
6	Trường MN Mường Tè	24	24	0
7	Trường MN Quang Minh	19	19	0
8	Trường MN Song Khùa	28	28	0
9	Trường MN Suối Bàng	22	21	-1
10	Trường MN Tân Xuân	30	29	-1
11	Trường MN Tô Múa	28	27	-1
12	Trường MN Xuân Nha	25	25	0
13	Trường MN Lóng Luông	42	41	-1
14	Trường MN Văn Hồ	58	56	-2
b	Khôi Tiểu học	141	141	0
1	Trường TH Lóng Luông	56	56	0
2	Trường TH Văn Hồ	85	85	0
c	Khôi trung học cơ sở	83	83	0
1	Trường THCS Lóng Luông	28	26	-2
2	Trường THCS Văn Hồ	31	33	2

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (0), giảm (-)
3	Trường PTDT Nội trú	24	24	0
4	Liên cấp TH và THCS	603	598	-5
1	Trường TH-THCS Quang Minh	29	29	0
2	Trường TH và THCS Chiềng Khoa	58	57	-1
3	Trường TH và THCS Chiềng Yên	51	51	0
4	Trường TH và THCS Liên Hòa	38	38	0
5	Trường TH và THCS Mường Men	28	29	1
6	Trường TH và THCS Mường Tè	51	51	0
7	Trường TH và THCS Song Khùa	58	57	-1
8	Trường TH và THCS Suối Bàng	49	48	-1
9	Trường TH và THCS Tân Xuân	60	60	0
10	Trường TH và THCS Tô Múa	65	64	-1
11	Trường TH và THCS Chiềng Xuân	56	56	0
12	Trường TH và THCS Xuân Nha	60	58	-2
L	LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP Y TẾ	2346	2244	-102
I	CẤP TỈNH	364	364	0
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	96	96	0
2	Bệnh viện Tâm thần	47	47	0
3	Bệnh viện mắt	40	40	0
4	TT Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm	22	22	0
5	TT Pháp Y	11	11	0
6	TT giám định Y khoa	12	12	0
7	TT Kiểm soát bệnh tật	136	136	0
II	CẤP HUYỆN	550	460	-90
1	Bệnh viện Đa khoa Sốp Cộp	90	0	-90
2	TT Y tế Mường La	38	38	0
3	TT Y tế Sông Mã	40	40	0
4	TT Y tế Sốp Cộp	35	35	0
5	TT Y tế Thành phố	35	35	0
6	TT Y tế Quỳnh Nhai	37	37	0
7	TT Y tế Phù Yên	43	43	0
8	TT Y tế Mộc Châu	45	45	0
9	TT Y tế Vân Hồ	34	34	0
10	TT Y tế Yên Châu	40	40	0
11	TT Y tế Thuận Châu	43	43	0
12	TT Y tế Mai Sơn	39	39	0
13	TT Y tế Bắc Yên	31	31	0
III	CẤP XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	1432	1420	-12
(1)	Các trạm Y tế huyện Mường La	112	111	-1
1	Trạm Y tế xã Chiềng An	6	6	0
2	Trạm Y tế xã Chiềng Công	7	7	0
3	Trạm Y tế xã Chiềng Hoa	7	7	0
4	Trạm Y tế xã Chiềng Lao	8	8	0
5	Trạm Y tế xã Chiềng Muôn	5	5	0
6	Trạm Y tế xã Chiềng San	6	6	0
7	Trạm Y tế xã Hua Trai	7	7	0
8	Trạm Y tế xã Mường Bú	10	9	-1
9	Trạm Y tế xã Mường Chùm	7	7	0
10	Trạm Y tế xã Mường Trai	6	6	0
11	Trạm Y tế xã Nậm Giôn	7	7	0
12	Trạm Y tế xã Nậm Pấm	6	6	0
13	Trạm Y tế xã Ngọc Chiên	8	8	0
14	Trạm Y tế xã Lũng	8	8	0

 TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng 0, giảm (-)
15	Trạm Y tế xã Di Toong	7	7	0
16	Trạm Y tế xã Ia Bú	7	7	0
(2)	Các trạm Y tế huyện Sông Mã	139	138	-1
1	Trạm y tế xã Bó Sinh	7	7	0
2	Trạm y tế xã Đura Môn	6	6	0
3	Trạm y tế xã Chiềng Cang	8	8	0
4	Trạm y tế xã Chiềng En	7	7	0
5	Trạm y tế xã Chiềng Khoong	9	9	0
6	Trạm y tế xã Chiềng Khương	8	8	0
7	Trạm y tế xã Chiềng Phung	7	7	0
8	Trạm y tế xã Chiềng Sơ	8	8	0
9	Trạm y tế xã Huổi Một	7	7	0
10	Trạm y tế xã Mường Hung	8	8	0
11	Trạm y tế xã Mường Cai	7	7	0
12	Trạm y tế xã Mường Lăm	7	7	0
13	Trạm y tế xã Mường Sai	6	6	0
14	Trạm y tế xã Nà Nhieu	10	9	-1
15	Trạm y tế xã Nậm Măn	6	6	0
16	Trạm y tế xã Nậm Ty	8	8	0
17	Trạm y tế xã Pú Bâu	6	6	0
18	Trạm y tế Thị trấn Sông Mã	7	7	0
19	Trạm y tế xã Yên Hưng	7	7	0
(3)	Các trạm Y tế huyện Sốp Cộp	70	70	0
1	Trạm Y tế xã Dôm Cang	8	8	0
2	Trạm Y tế xã Mường Lạn	10	10	0
3	Trạm Y tế xã Mường Lèo	8	8	0
4	Trạm Y tế xã Mường Và	10	10	0
5	Trạm Y tế xã Nậm Lạnh	8	8	0
6	Trạm Y tế xã Púng Bính	9	9	0
7	Trạm Y tế xã Sam Kha	8	8	0
8	Trạm Y tế xã Sốp Cộp	9	9	0
(4)	Các trạm Y tế thành phố	100	100	0
1	Trạm Y tế Phường Chiềng An	9	9	0
2	Trạm Y tế Phường Chiềng Lê	10	10	0
3	Trạm Y tế Phường Chiềng Sinh	10	10	0
4	Trạm Y tế Phường Quyết Tâm	10	10	0
5	Trạm Y tế Phường Quyết Thắng	10	10	0
6	Trạm Y tế Phường Tô Hiệu	9	9	0
7	Trạm Y tế xã Chiềng Cọ	8	8	0
8	Trạm Y tế xã Chiềng Cơi	7	7	0
9	Trạm Y tế xã Chiềng Đen	6	6	0
10	Trạm Y tế xã Chiềng Ngán	8	8	0
11	Trạm Y tế xã Chiềng Xôm	6	6	0
12	Trạm Y tế xã Hua La	7	7	0
(5)	Các trạm Y tế huyện Quỳnh Nhai	83	82	-1
1	Trạm y tế xã Cà Nàng	6	6	0
2	Trạm y tế xã Chiềng Báng	8	8	0
3	Trạm y tế xã Chiềng Khay	9	8	-1
4	Trạm y tế xã Chiềng Khoang	9	9	0
5	Trạm y tế xã Chiềng Ôn	6	6	0
6	Trạm y tế xã Mường Chiên	6	6	0
7	Trạm y tế xã Mường Giàng	11	11	0
8	Trạm y tế xã Mường Giôn	10	10	0
9	Trạm y tế xã Mường Sại	6	6	0

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (), giảm (-)
10	Trạm Y tế xã Năm Et	6	6	0
11	Trạm Y tế xã Pắc Ma, Pha Khinh	6	6	0
(6)	Các trạm Y tế huyện Phù Yên	173	171	-2
1	Trạm Y tế xã Bắc Phong	6	6	0
2	Trạm Y tế xã Đá Đỏ	6	6	0
3	Trạm Y tế xã Gia Phù	7	7	0
4	Trạm Y tế xã Kim Bôn	7	6	-1
5	Trạm Y tế xã Huy Bắc	7	7	0
6	Trạm Y tế xã Huy Hạ	7	7	0
7	Trạm Y tế xã Huy Tân	6	6	0
8	Trạm Y tế xã Huy Tường	6	6	0
9	Trạm Y tế xã Huy Thượng	6	6	0
10	Trạm Y tế xã Mường Bang	6	6	0
11	Trạm Y tế xã Mường Cơi	8	8	0
12	Trạm Y tế xã Mường Do	6	6	0
13	Trạm Y tế xã Mường Láng	6	6	0
14	Trạm Y tế xã Mường Lè	6	6	0
15	Trạm Y tế xã Nam Phong	6	6	0
16	Trạm Y tế xã Quang Huy	8	8	0
17	Trạm Y tế xã Tân Láng	7	7	0
18	Trạm Y tế xã Tân Phong	6	6	0
19	Trạm Y tế xã Tường Hạ	6	6	0
20	Trạm Y tế xã Tường Phong	6	6	0
21	Trạm Y tế xã Tường Phù	7	7	0
22	Trạm Y tế xã Tường Tiên	5	5	0
23	Trạm Y tế xã Tường Thượng	6	6	0
24	Trạm Y tế Thị Trấn	7	7	0
25	Trạm Y tế xã Sập Xa	6	6	0
26	Trạm Y tế xã Suối Bàu	6	6	0
27	Trạm Y tế xã Suối Tọ	7	6	-1
(7)	Các trạm Y tế huyện Mộc Châu	109	108	-1
1	Trạm Y tế Nông trường Mộc Châu	10	9	-1
2	Trạm Y tế Thị trấn Mộc Châu	9	9	0
3	Trạm Y tế xã Chiềng Hắc	8	8	0
4	Trạm Y tế xã Chiềng Khừa	6	6	0
5	Trạm Y tế xã Chiềng Sơn	8	8	0
6	Trạm Y tế xã Đông Sang	7	7	0
7	Trạm Y tế xã Hua Păng	7	7	0
8	Trạm Y tế xã Lóng Sập	7	7	0
9	Trạm Y tế xã Mường Sang	6	6	0
10	Trạm Y tế xã Nà Mường	7	7	0
11	Trạm Y tế xã Phiêng Luông	7	7	0
12	Trạm Y tế xã Quy Hương	6	6	0
13	Trạm Y tế xã Tả Lại	7	7	0
14	Trạm Y tế xã Tân Hợp	7	7	0
15	Trạm Y tế xã Tân Lập	7	7	0
(8)	Các trạm Y tế huyện Vân Hồ	78	78	0
1	Trạm Y tế xã Chiềng Khoa	5	5	0
2	Trạm Y tế xã Chiềng Xuân	6	6	0
3	Trạm Y tế xã Chiềng Yên	6	6	0
4	Trạm Y tế xã Liên Hoà	5	5	0
5	Trạm Y tế xã Loóng Luông	6	6	0
6	Trạm Y tế xã Mường Men	5	5	0

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (-), giảm (-)
8	Trạm Y tế xã Mường Tè	5	5	0
9	Trạm Y tế xã Quang Minh	5	5	0
10	Trạm Y tế xã Song Khùa	6	6	0
11	Trạm Y tế xã Suối Bàng	5	5	0
12	Trạm Y tế xã Tân Xuân	6	6	0
13	Trạm Y tế xã Tô Múa	6	6	0
14	Trạm Y tế xã Văn Hồ	7	7	0
15	Trạm Y tế xã Xuân Nha	5	5	0
(9)	Các trạm Y tế huyện Yên Châu	109	107	-2
1	Trạm Y tế Thị trấn	7	7	0
2	Trạm Y tế xã Chiềng Đông	9	9	0
3	Trạm Y tế xã Chiềng Hặc	6	6	0
4	Trạm Y tế xã Chiềng Khoi	6	6	0
5	Trạm Y tế xã Chiềng On	8	8	0
6	Trạm Y tế xã Chiềng Păn	8	7	-1
7	Trạm Y tế xã Chiềng Tương	7	7	0
8	Trạm Y tế xã Chiềng Sàng	8	8	0
9	Trạm Y tế xã Mường Lựm	6	6	0
10	Trạm Y tế xã Lũng Phiêng	7	7	0
11	Trạm Y tế xã Phiêng Khoài	10	10	0
12	Trạm Y tế xã Tú Nang	8	7	-1
13	Trạm Y tế xã Sập Vạt	7	7	0
14	Trạm Y tế xã Viêng Lán	6	6	0
15	Trạm Y tế xã Yên Sơn	6	6	0
(10)	Các trạm Y tế huyện Thuận Châu	197	193	-4
1	Trạm y tế Thị Trấn	5	5	0
2	Trạm y tế xã Bàn Lãm	6	6	0
3	Trạm y tế xã Bon Phạng	6	6	0
4	Trạm y tế xã Bó Mười	8	7	-1
5	Trạm y tế xã Co Mạ	7	7	0
6	Trạm y tế xã Co Tông	6	6	0
7	Trạm y tế xã E Tông	6	6	0
8	Trạm y tế xã Chiềng Bôm	7	7	0
9	Trạm y tế xã Chiềng Pắc	6	6	0
10	Trạm y tế xã Chiềng Pha	7	7	0
11	Trạm y tế xã Chiềng La	6	6	0
12	Trạm y tế xã Chiềng Ly	8	8	0
13	Trạm y tế xã Chiềng Ngâm	6	6	0
14	Trạm y tế xã Liệp Tè	6	6	0
15	Trạm y tế xã Long Hẹ	7	7	0
16	Trạm y tế xã Muối Nội	7	7	0
17	Trạm y tế xã Mường Bám	9	8	-1
18	Trạm y tế xã Mường E	8	7	-1
19	Trạm y tế xã Mường Khiêng	8	8	0
20	Trạm y tế xã Nậm Lâu	8	7	-1
21	Trạm y tế xã Noong Lay	5	5	0
22	Trạm y tế xã Pá Lông	6	6	0
23	Trạm y tế xã Phong Lái	8	8	0
24	Trạm y tế xã Phong Lăng	6	6	0
25	Trạm y tế xã Phong Lập	6	6	0
26	Trạm y tế xã Phúng Tra	6	6	0
27	Trạm y tế xã Tông Cọ	7	7	0
28	Trạm y tế xã Tông Lanh	9	9	0
29	Trạm y tế xã Thôn Mòn	7	7	0

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ		Số lượng người việc giao năm 2019	Số lượng người việc giao năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
(11) Các trạm Y tế huyện Mai Sơn		158	158	0
1	Trạm y tế Thị trấn Hát Lót	10	10	0
2	Trạm y tế xã Cò Nòi	10	10	0
3	Trạm y tế xã Chiềng Ban	7	7	0
4	Trạm y tế xã Chiềng Chăn	6	6	0
5	Trạm y tế xã Chiềng Chung	8	8	0
6	Trạm y tế xã Chiềng Dong	6	6	0
7	Trạm y tế xã Chiềng Kheo	6	6	0
8	Trạm y tế xã Chiềng Lương	8	8	0
9	Trạm y tế xã Chiềng Mai	7	7	0
10	Trạm y tế xã Chiềng Mung	9	9	0
11	Trạm y tế xã Chiềng Nòi	6	6	0
12	Trạm y tế xã Chiềng Sung	6	6	0
13	Trạm y tế xã Chiềng Ve	6	6	0
14	Trạm y tế xã Hát Lót	9	9	0
15	Trạm y tế xã Mường Báng	7	7	0
16	Trạm y tế xã Mường Bơn	8	8	0
17	Trạm y tế xã Mường Chanh	6	6	0
18	Trạm y tế xã Nà Bó	7	7	0
19	Trạm y tế xã Nà Ôt	6	6	0
20	Trạm y tế xã Phiêng Cầm	7	7	0
21	Trạm y tế xã Phiêng Păn	7	7	0
22	Trạm y tế xã Tả Hộc	6	6	0
(12) Các trạm Y tế huyện Bắc Yên		104	104	0
1	Trạm y tế Thị trấn	9	9	0
2	Trạm y tế xã Chiềng Sại	5	5	0
3	Trạm y tế xã Chim Ván	6	6	0
4	Trạm y tế xã Hang Chú	7	6	-1
5	Trạm y tế xã Hang Đông	4	5	1
6	Trạm y tế xã Hồng Ngải	7	7	0
7	Trạm y tế xã Hua Nhàn	5	5	0
8	Trạm y tế xã Lãng Châu	5	5	0
9	Trạm y tế xã Mường Khoa	6	6	0
10	Trạm y tế xã Pắc Ngà	7	7	0
11	Trạm y tế xã Phiêng Ban	9	9	0
12	Trạm y tế xã Phiêng Côn	6	6	0
13	Trạm y tế xã Tạ Khoa	7	7	0
14	Trạm y tế xã Tả Xùa	8	8	0
15	Trạm y tế xã Song pe	5	5	0
16	Trạm y tế xã Xím Vàng	8	8	0
K	Dự phòng	90	3	-87

